

Số/编号:/...../...

Hà Nội, ngày tháng năm 2022
河内, 2022 年 月 日

QUYẾT ĐỊNH

决定

Về việc: Ban hành quy chế hoạt động của ban Kiểm soát
关于: 签发监事会工作条例

BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

国泰君安证券（越南）股份公司监事会

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
根据越南社会主义共和国国会于2020年6月17日通过的第59/2020/QH14号企业法;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
根据越南社会主义共和国国会于2019年11月26日通过的第54/2019/QH14号证券法
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
根据政府2020年12月31日颁布的第155/2020/ND-CP号法令, 详细规定证券法若干条款的实施情况;
- Căn cứ Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
根据政府2021年04月01日颁布的第47/2021/ND-CP号法令, 详细规定企业法若干条款的实施情况
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
根据财政部部长于2020年12月31日发布的第116/2020/TT-BTC号通告, 关于政府于2020年12月31日颁布的第155/2020号法令详细规定《证券法》若干条款的实施情况中指引一些适用于上市公司的公司治理条款;
- Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
根据财政部2020年11月16日第96/2020/TT-BTC号通知, 证券市场信息公告指引;

- Căn cứ thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
根据财政部2020年12月31日第121/2020/TT-BTC号通告规范证券公司的经营活动。
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) tháng.....năm.....
根据于 年 月的国泰君安证券（越南）股份有限公司章程
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số ... ngày... tháng... năm 2022...
根据2022年年度股东大会决议于2022年 月 日

QUYẾT ĐỊNH

决定

Điều 1 Ban hành kèm theo quyết định này là “*Quy chế hoạt động của ban Kiểm soát*” của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

第一条：国泰君安证券（越南）股份有限公司的“监事会工作条例”与本决定一并颁布

Điều 2 Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực thi hành của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ban hành trước đây.

第二条：本决定自签发之日起生效，先前签发的监事会工作条例同时失效

Điều 3 Thành viên ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, các Ông/Bà Trưởng các Phòng có liên quan, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

第三条：监事会成员、董事会成员、经理会、相关部门经理、公司直属单位以及相关个人负责履行本决定。

Nơi nhân: 归档处

- Như Điều 3;

上述第三条

- Lưu: PC-TT; Phòng Hành chính/ Thư ký HĐQT (02).

保存：法律合规部、行政部/董事会秘书 (02)

T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
代表监事会
监事会主席

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
国泰君安证券（越南）股份公司

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày .../.../2022)
监事会工作条例（草案）
(与2022年 月 日签发的第 号决定一并颁布)

Tháng 6/ 2022

2022年6月

Thông tin nhóm soạn thảo
编制组

	Họ và tên 姓名	Chức danh 职务	Chữ ký 签名	Ngày ký 日期
Bộ phận soạn thảo 编制单位	Ban kiểm soát 监事会			
Bộ phận kiểm tra 批准	Bùi Quang Kỳ 裴光纪	Phó Tổng Giám đốc 副总经理		
Bộ phận thẩm định 审核单位	-	-	-	-

Bảng theo dõi sửa đổi
修订跟踪表

Phiên bản 版本	Nội dung sửa đổi 修改内容	Ngày sửa đổi 修改日期
Tháng 9/2017 2017年9月	Ban hành lần đầu 首次签发	01/09/2017 2017年09月01日
Tháng 4/2022 2022年4月	Thay thế toàn bộ các quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành 代替先前签发的监事会条例	

MỤC LỤC^[LHT1] – 目录

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG 第一章: 总则.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ 第一条: 监管范围, 适用对象及释义	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 第二条: 监事会工作条例.....	2
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) 第二章: 监事会成员 (监事员)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 第 3 条: 监事会成员的权力、义务和责任.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 第四条: 监事会成员的任期及人数	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 第 5 条: 监事会成员的标准和条件.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 第 6 条: 监事会主席	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 第 7 条: 监事会成员的提名和选举.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第 8 条: 监事会成员的选举、免职和罢免方式	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第九条: 监事会成员免职、罢免情况	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第 10 条: 监事会成员选举、罢免、免职通知	7
Chương III: BAN KIỂM SOÁT 第三章: 监事会.....	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 第 11 条: 监事会权利、义务和责任 .8	
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 第 12 条: 向监事会提供信息的权利12	
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 第 13 条: 监事会在召开临时股东大会上的职责	12
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 第 4 章: 监事会会议.....	13
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 第 14 条: 监事会会议.....	13
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 第 15 条: 监事会会议纪要	14
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 第五章: 报告和公告福利.....	14
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 第 16 条: 每年提交报告	14
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 第 17 条: 薪酬和其他权利.....	15
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 第 18 条: 公开其他利益相关	16
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 第六章: 与监事会的关系.....	17
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 第 19 条: 监事会成员之间的关系.....	17
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 第 20 条: 管理层与监事会的关系	17
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 第 21 条: 董事会与监事会的关系	17
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 第 7 章: 实施条款.....	17
Điều 22. Hiệu lực thi hành 第 22 条: 实施效力.....	17

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

监事会工作条例

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

第一章: 总则

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ 第一条: 监管范围, 适用对象及释义

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

修订范围: 监事会工作条例是根据企业法、公司条例以及相关法律规定监事会、监事会成员的组成、标准、条件、权利和义务。

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên.

适用范围: 监事会的工作条例适用于监事会, 监事会成员/内控成员

3. Giải thích từ ngữ 释义

3.1. Người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

“公司管理人”包括董事长、董事会成员、总经理以及由董事会任命的其他管理职务。

3.2. Điều lệ là Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm Quy chế này có hiệu lực.

章程是指在本条例有效期内国泰君安证券（越南）股份公司所履行的章程

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 第二条: 监事会工作条例

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

监事会按照集体原则工作。监事会成员对其工作承担责任并对股东大会和法律一起承担关于监事会的决定和工作的责任。

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

第二章：监事会成员（监事员）

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 第3条： 监事会成员的权利、义务和责任

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

在实施权利和义务过程中严格遵守法律、公司章程、股东大会决议和职业道德

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

清正廉洁和公正谨慎地实施其权力和义务，以最好方式维护公司的合法权利

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

始终维护公司和股东利益，不滥用地位、职务和使用的公司信息、秘诀、经营机会以及其他资产谋取私利或为任何个人、机构利益服务。

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

根据企业法和公司章程规定的其他义务

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

若违反本条例第 1、2、3、4 条规定，给公司或者他人造成损害，监事会成员应当承担个人或者连带的赔偿责任。 监事会成员因违规而获得的收入和其他福利必须退还给公司。

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

若发现监事会成员在行使其权利和义务过程中有违规行为，必须以书面形式向监事会通知，要求该成员停止违规行为并采取补救措施。

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 第四条： 监事会成员的任期及人数

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 03 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

监事会有 03 名成员，监事会成员任期不超过 03 年，可连选连任。

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

监事会成员不一定是公司股东

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

监事会成员应有一半多人数常驻于越南

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

监事会成员任期届满，但未选举出新一届监事会成员，任期届满的监事会成员将继续履行其权利和义务直至选举出新一届并承担相关工作的监事会成员为止

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 第5条：监事会成员的标准和条件

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

监事会成员应满足以下标准和条件:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

不属于《企业法》第十七条第二款规定的对象;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

经受过经济、金融、会计、审计、法律、工商管理或与公司经营活动相符的专业之一的培训

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

非董事会成员、总经理及其他管理人员的家属;

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

非公司管理人，不一定是公司的股东或员工

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

不得在公司财务部门工作；

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

不得是前三年之内获准审计公司财务报表的审计机构的成员或员工

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

有关法律和公司章程规定的其他标准和条件

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 第6条： 监事会主席

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán..

监事会主席须具有经济、金融、会计、审计、法律、工商管理或与证券业务相关的专业之一的大学或大学以上学历

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

监事会主席由监事会从监事会成员中选举产生； 根据多数原则进行选举、免职、罢免

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

监事会主席的权利和义务将在公司章程明确规定

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 第7条： 监事会成员的提名和选举

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

持有普通股份总数的 5% 以上的股东或股东组有权向监事会提名候选人。 监事会的提名应按以下方式进行：

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; 持有普通股份的股东组成小组以向监事会提名候选人必须在股东大会开幕前通知出席股东关于组成小组事件；
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội

đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

根据监事会成员的人数，本条规定的股东或股东组有权根据股东大会的决定提名一名或多名人士为监事会候选人。股东或股东组提名的候选人人数少于股东大会决定其有权提名的候选人人数，其余候选人人数由董事会、监事会和其他股东提名。

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

若企业法第一百一十五条第五款规定的监事会候选人提名和参选人数仍不足，现任监事会应当按照公司章程、公司治理内部规定和监事会工作条例规定，规定推荐候选人。现任监事会推荐的候选人，必须在股东大会依法选举监事会成员前明确公告。

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第8条：监事会成员的选举、免职和罢免方式

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

监事会成员的选举、免职和罢免由股东大会决定

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

监事会成员选举按照通过差额选举方式进行。每股的表决票数相当于其持有股份数量乘以候选人人数，股东可以将其部分或全部表决票数投于一名或多名候选人。监事会的当选人由从高到低计算的票数决定。从得票最多的候选人开始，直至达到公司章程规定的成员人数选满为止。如果最后一名监事会成员有 02 名以上候选人获得相同票数，将在获得相同票数的候选人中重新选举或根据选举规则或公司章程选出。

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第九条：监事会成员免职、罢免情况

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

股东大会在以下情况免职监事会成员：

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
不满足企业法第 169 条规定担任监事会成员的标准和条件
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
有辞职申请书并获得批准
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
其他情况由公司章程规定

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

股东大会在以下情况罢免监事会成员：

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
未完成已收分配的工作、任务
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
连续 6 个月不履行权利义务，不可抗力事件除外；
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
多次违规，严重违反企业法和公司章程规定的监事会成员义务
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
其他情况按照股东大会决议

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 第10条：监事会成员选举、罢免、免职通知

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

若已确认监事会成员候选人，公司应在股东大会召开前至少 10 天在公司官方网站公告候选人相关信息以便股东能在投票前更加了解这些候选人，监事会成员候选人必须就所公告的个人信息准确性和真实性签约承诺书并承诺若担任监事会成员将公正廉洁、谨慎从事，为公司利益做出贡献。公告的监事会候选人相关信息包括：

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
姓名、出生日期
- b) Trình độ chuyên môn;

学历

- c) Quá trình công tác;
工作经验
- d) Các chức danh quản lý khác;
其他管理职务
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty
与公司及其关联人相关的利益
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
公司章程规定的其他信息 (如有) ;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
公司必须负责公告候选人担任管理职位的公司的信息以及与监事会候选人公司相关的利益 (如有)

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

监事会成员选举、罢免和免职结果的公告应当符合信息公告指导文件。

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

第三章：监事会

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 第11条：监事会权利、义务和责任

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

监事会对董事会和总经理的公司管理和运营进行监督

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

检查管理和经营活动的合理性、合法性、真实性和谨慎程度；检查会计、统计和财务报表的系统性、一致性和适当性。

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

审批公司业绩报告、年度和半年度的财务报表、董事会管理评估报表的完整性、合法性和真实性，并提交股东大会审议通过。审查在董事会或股东大会审批权限内与关联人的合同和交易，或对董事会或股东大会审批权限内的合同和交易提出建议。

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

审查、检查和评价公司内部控制、内部审计、风险管理和预警系统的有效性

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

在必要时或根据股东大会的决议或根据持有普通股股份总数的 5% 以上的股东或股东组的要求，审查公司的会计账簿、会计记录和其他文件，或对公司的经营管理活动进行审查。

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

应持有普通股份总数的 5% 以上的股东或股东组的要求，监事会应当自收到要求之日起 7 个工作日内进行检查。自检查完成之日起 15 日内，监事会必须将要求检查的事项向董事会和提出要求的股东或股东组报告。本条规定的监事会检查不得干扰董事会的正常运作，不得干扰公司的业务运营。

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

建议董事会或股东大会修订、补充、改善管理组织机制、监视和运行公司经营活动等方法。

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

当发现董事会成员、总经理违反企业法第 165 条规定，必须立即书面通知董事会，要求违规者停止违规行为，并采取补救措施

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

出席并参与股东大会、董事会、公司的会议

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

使用独立顾问，公司内部审计部门以执行已收分配的任务。

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

监事会在向股东大会提交报告、结论和建议之前，可以咨询董事会的意见

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông trong trường hợp cổ đông có quyền đề nghị Ban kiểm soát kiểm tra vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật.

若股东有权要求依法审查有关公司管理和运营活动的任何具体问题，监事会应股东的要求，审查与公司管理和经营有关的各项具体问题。

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

要求董事会召开临时股东大会

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

代替董事会在 30 天内召开股东大会若董事会不根据企业法第 3 款第 140 条规定召开股东大会

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

提请董事长召开股东大会。

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

查阅、摘录、复制部分或全部 《企业法》第一百六十四条第一款、第二款规定申报的关联人及相关利益人清单。

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

提议并建议股东大会批准对公司财务报表进行审计的审计机构名单；经批准的审计机构在其认为必要时审查公司的运营活动

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

监事会对股东承担其监督工作的责任

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

监督公司的财务状况，董事会成员、总经理和其他管理人员的遵守法律

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

确保配合董事会、总经理和股东的工作

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

若监事会发现董事会成员、总经理和其他经营管理人员有违法或违反公司章程的行为，监事会必须在 48 个小时内书面通知董事会，要求违规者停止违规行为，并采取补救措施

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

制定监事会工作条例，并提交股东大会审议通过

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

在收集股东的书面意见以通过股东大会决议的情况下，见证董事会检票并制作检票记录若董事会要求。

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

监事会主席主持会议以选出会议主席，若主席缺席或暂时失去工作能力而董事会其余成员无法选举主席。在这种情况下，由得票最多的人将成为主席。

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

依照《企业法》、公司章程和股东大会决议的规定行使其他权利和义务。

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 第12条：向监事会提供信息的权利

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

文件和信息必须以与董事会成员相同的时间和方式发送给监事会成员，包括：

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

会议邀请书、董事会成员意见及附件；

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

股东大会、董事会的决议、决定和会议纪要；

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

向董事会提交的总经理报告或公司签发的其他文件，

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc trong giờ làm việc.

监事会成员有权查阅存放在总公司、分公司和其他地点的公司档案和文件；有权在工作时间内前往公司管理人员和员工的工作场所

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

董事会、董事会成员、总经理和其他管理人员必须提供完整、准确和及时的有关公司管理、运营活动的信息和文件。

Trường hợp Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 của Luật doanh nghiệp, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

如董事会批准企业法第 167 条第 2 款规定的合同和交易，签署合同或交易的公司代表必须向监事会通知该合同、交易涉及的对象并附上合同或交易草案的主要内容。

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 第13条：监事会在召开临时股东大会上的职责

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

在下列情况下，董事会不召开股东大会，监事会负责在三十日内代替董事会召开股东大会

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

董事会和监事会的剩余成员人数少于法律规定的最低成员人数

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

应持有普通股股份总数的 5% 以上的股东或股东组的要求

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

监事会要求召开临时股东大会，但董事会不履行

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

监事会未按规定召开股东大会的，监事会必须赔偿给公司造成的损失。

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

本条第一款规定的召开股东大会的费用，由公司退还

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

第 4 章：监事会会议

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 第14条：监事会会议

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

监事会必须每年至少召开两次 (02) 会议，出席会议的成员人数至少为监事会人数的三分之二 (2/3)

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

监事会有权要求董事会成员、总经理和经批准的审计机构代表出席并回答需要明确的问题。

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 第15条: 监事会会议纪要

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

监事会会议纪要详细、清晰。会议纪要的记录人和出席会议的监事会成员必须在会议纪要上签字。监事会会议纪要必须保存，以确定监事会每位成员的职责。

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

第五章: 报告和公告福利

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 第16条: 每年提交报告

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

监事会在年度股东大会上的报告包括以下内容:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

关于董事会、总经理经营结果报告，公司业绩报告提交年度股东大会审议通过

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

监事会及监事会成员经营成果自我评价报告

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

监事会和监事会每位成员的薪酬、运营费用和其他福利。

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

总结监事会会议及监事会的结论和建议； 监督公司经营活动和财务状况的结果

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

对由公司持有 50% 以上注册资金的公司、子公司和其他公司与董事会成员、总经理及其关联人的交易；公司与一家董事会成员为企业创始成员或在交易发生前最近 3 年内为公司管理人的公司进行交易制作评估报告。

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

董事会、总经理和其他企业主管人的监督结果

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

监事会与董事会、总经理与股东的配合的评价结果

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

提议并建议股东大会批准对公司财务报表进行审计的审计机构名单； 经批准的审计机构在其认为必要时检查公司的活动。

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 第17条： 薪酬和其他权利

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

监事会成员的工资、报酬、奖金和其他福利应当符合下列规定

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

监事会成员根据股东大会的决定享有工资、报酬、奖金和其他福利。 股东大会决定监事会的工资、报酬、奖金和其他福利总额以及监事会的年度经营预算。

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

监事会成员有权获得合理的餐住、来往、使用独立咨询服务的费用。 此项报酬和费用总额不得超过股东大会批准的监事会年度经营预算总额，股东大会另有决定的除外

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

监事会的报酬和运营费用根据企业所得税法及其他有关法律规定计入公司经营费用，并在公司年度财务报表中单独列示。

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 第18条：公开其他利益相关

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

公司监事会成员必须向公司申报其利益相关, 包括:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
拥有或拥有出资或股份的企业名称、企业编号、总公司地址、业务范围; 所有权的比率和时间。
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
其关联人拥有、共同拥有或单独拥有出资或份额超过注册资本 10%的公司名称、公司编号、总公司地址、业务范围

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

本条第一款规定的声明必须在利益相关产生之日起7个工作日内作出; 其修改和补充必须在相应的修改和补充之日起07个工作日内通知公司

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

监事会成员和监事会成员的相关人只能将通过其职务获得的信息用于公司利益。

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

监事会成员有义务依法以书面形式通知董事会和监事会关于由公司持有50%以上注册资金的公同、子公司和其他公司与监事会或监事会相关人的交易。上述交易经股东大会或董事会批准的交易, 公司必须按照证券法有关信息公告的规定公告这些决议的相关信息

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

监事会成员及其相关人不得利用或向他人透露内部信息。

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

第六章：与监事会的关系

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 第19条：监事会成员之间的关系

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

监事会成员之间具有独立的关系，根据法律和公司章程规定监事会成员互不相连，但在共同工作中相互协调、配合，确保监事会的职责、权利和义务。监事会主席是分配工作的人，但无权管理监事会成员。

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 第20条：管理层与监事会的关系

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

监事会与公司管理层具有独立关系，监事会对管理层运营活动进行监督的单位

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 第21条：董事会与监事会的关系

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

监事会与公司董事会具有独立关系，监事会对董事会工作进行监督的单位。

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

第 7 章：实施条款

Điều 22. Hiệu lực thi hành 第22条：实施效力

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) bao gồm bảy (07) chương, hai mươi hai (22) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2022.

《国泰君安证券（越南）股份公司监事会工作条例》共七（07）章、二十二（22）条，自2022年……月……日起生效。

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
代表监事会**

监事会主席
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(全名签字和盖章)